

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2020/HNGĐ- ST
Ngày: 25/9/2020
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Hồng Phương**

Các Hội thẩm nhân dân : **1. Ông Trần Văn Huy**

2. Bà Lê Thị Thu Hạnh

Thư ký phiên tòa: **Bà Phạm Thị Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì – thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: **Bà Mai Thị Phụng - Kiểm sát viên**

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 311/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 07 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2020/QĐST - HNGĐ ngày 14/09/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng T - Sinh năm 1974. (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T - Sinh năm 1972. (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn Thọ Am, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29/05/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/03/1993 tại UBND xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống tại nhà bố mẹ chồng tại Thôn Thọ

Am, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh T không quan tâm, không có trách nhiệm đến vợ con. Anh chị đã sống ly thân từ lâu. Chị cũng đã từng nộp đơn ly hôn ra Tòa án nhưng do thương con và mong muốn gia đình đoàn tụ nên chị đã rút đơn nên Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Vợ chồng cũng đã được gia đình và thôn xóm hòa giải nhưng mâu thuẫn không thể khắc phục được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể chung sống với nhau nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tú, sinh ngày 5/5/1994 và cháu Nguyễn Thanh Hiền, sinh ngày 31/7/2003. Ly hôn, chị xin được nuôi cháu Hiền và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Cháu Tú đã trưởng thành việc ở với ai do cháu tự quyết định. Hiện nay chị đang bán quần áo tại chợ Đông Mỹ, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Thu nhập hàng tháng của chị khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Nếu ly hôn mẹ con chị vẫn ở nhà mà hiện nay mẹ con chị đang sinh sống do đây là nhà mẹ chồng chị cho chị.

Về tài sản, nhà: Anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị cam kết anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc T** đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cũng như triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt, không đến Tòa án làm việc mà không có lý do, không có văn bản gửi Tòa án thể hiện quan điểm về việc chị T xin ly hôn anh, về việc nuôi con chung cũng như tài sản chung, công nợ của hai vợ chồng. Tòa án đã phối hợp cùng chính quyền địa phương nơi anh T cư trú để lấy lời khai của anh T nhưng không lấy được.

Tại phiên tòa:

- Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai vẫn vắng mặt không có lý do.

- Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng T vẫn giữ quan điểm như trong đơn khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện

đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T để chị T được ly hôn với anh T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung của chị T và anh T là cháu Nguyễn Thanh Hiền, sinh ngày 31/7/2003 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Ngọc Tú, sinh ngày 5/5/1994 đã trưởng thành việc ở với ai do cháu tự quyết định nên không xét. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nhà ở và công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng: Tại thời điểm chị Nguyễn Thị Hồng T nộp đơn xin ly hôn anh Nguyễn Ngọc T, anh T đang sinh sống tại địa chỉ: Thôn Thọ Am, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Nguyễn Ngọc T như: Thông báo thụ lý, Thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử ... nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Đối với việc vắng mặt của anh T tại phiên tòa, xét đây là lần vắng mặt thứ hai của bị đơn, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

* Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Ngọc T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/03/1993 tại Ủy ban nhân dân xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn vì theo chị T thì vợ chồng chị bắt đầu quan điểm, anh T không quan tâm, không có trách nhiệm đến vợ con. Mặc dù vẫn sống chung một nhà nhưng vợ chồng chị không ai quan tâm tới ai, không có trách nhiệm với nhau. Chị cũng đã từng nộp đơn ly hôn ra Tòa án nhưng do thương con và mong muốn gia đình đoàn tụ nên chị đã rút đơn để đoàn tụ. Tuy vậy, tình trạng mâu thuẫn của anh chị vẫn không cải thiện. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ và các chứng cứ được thu thập hợp lệ, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

* Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tú, sinh ngày 5/5/1994 và cháu Nguyễn Thanh Hiền, sinh ngày 31/7/2003. Ly hôn chị T yêu cầu nuôi cháu Hiền và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Cháu Tú đã trưởng thành việc ở với ai do cháu tự quyết định. Từ khi vợ chồng mâu thuẫn, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T không có trách nhiệm với các con. Bản thân anh T trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án không cung cấp lời khai thể hiện quan điểm của mình về việc nuôi dưỡng con chung. Chị T có thu nhập và chỗ ở ổn định. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt, duy trì sự ổn định, phát triển của cháu Nguyễn Thanh Hiền, Hội đồng xét xử căn cứ các điều 69, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Thanh Hiền sinh ngày 31/7/2003 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

* Về tài sản chung, nhà ở: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Giành quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung của anh T, chị T khi anh chị có yêu cầu bằng một vụ án khác.

Về nợ chung: Chị T cam đoan anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo

quy định của pháp luật.

* Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các điều 56, 81, 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; các điều 147, 207, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tú, sinh ngày 5/5/1994 và cháu Nguyễn Thanh Hiền, sinh ngày 31/7/2003. Giao cháu Nguyễn Thanh Hiền cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Ngọc Tú, sinh ngày 05/5/1994 đã trưởng thành, việc ở với ai do cháu tự quyết định nên không xét.

Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Giành quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung của anh chị khi anh chị có yêu cầu bằng một vụ án khác.

Về nợ chung: Chị T cam đoan anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai số AA/2017/0006711 ngày 30/06/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hồng T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA